

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 31
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nam Dược là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 11 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101452595 ngày 27/12/2019.

Trụ sở chính của Công ty tại số 51, đường Trương Công Giai, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Giang	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Minh Châu	Thành viên
Ông Lê Văn Sơn	Thành viên
Bà Dương Thị Lan	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Châu	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Nga	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phạm Thành Đạt	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Nam Dược

Số 51, đường Trương Công Giai, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NAM DƯỢC



Hoàng Minh Châu

Số: 230320.012/BCTC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Dược được lập ngày 23 tháng 03 năm 2020, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nam Dược tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Biễn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0743-2018-002-1

Kiểm toán viên

Phan Bá Cường

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 3639-2016-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		34.649.239.726	22.955.475.407
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10.596.795.284	4.157.704.238
111	1. Tiền		3.596.795.284	4.157.704.238
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.874.307.926	14.415.398.184
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.704.237.859	11.038.630.084
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	10.015.340.185	3.255.193.100
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	154.729.882	121.575.000
140	IV. Hàng tồn kho	8	8.997.857.202	4.252.670.947
141	1. Hàng tồn kho		8.997.857.202	4.252.670.947
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.180.279.314	129.702.038
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.126.535.741	129.702.038
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.053.743.573	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		198.020.297.915	160.252.526.994
220	II. Tài sản cố định		156.779.158.016	110.644.831.623
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	33.232.681.725	1.928.898.694
222	- Nguyên giá		40.437.587.184	6.815.971.068
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.204.905.459)	(4.887.072.374)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	123.546.476.291	108.715.932.929
228	- Nguyên giá		124.076.257.257	109.037.114.587
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(529.780.966)	(321.181.658)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	13.076.820.253
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	-	13.076.820.253
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	40.255.000.000	36.255.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		40.000.000.000	36.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		255.000.000	255.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		986.139.899	275.875.118
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	986.139.899	275.875.118
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		232.669.537.641	183.208.002.401

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		78.660.015.344	58.619.885.133
310	I. Nợ ngắn hạn		78.660.015.344	43.619.885.133
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	59.136.523.180	24.944.044.799
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	6.012.092.083	198.596.013
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	113.727.071	224.707.000
314	4. Phải trả người lao động		10.028.276.043	9.159.342.081
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.659.522.181	1.381.508.520
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.638.162.239	1.639.974.173
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	-	6.000.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		71.712.547	71.712.547
330	II. Nợ dài hạn		-	15.000.000.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	-	15.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		154.009.522.297	124.588.117.268
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	154.009.522.297	124.588.117.268
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		59.640.000.000	56.800.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		59.640.000.000	56.800.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		94.369.522.297	67.788.117.268
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		51.793.988.908	16.361.150.235
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		42.575.533.389	51.426.967.033
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		232.669.537.641	183.208.002.401

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



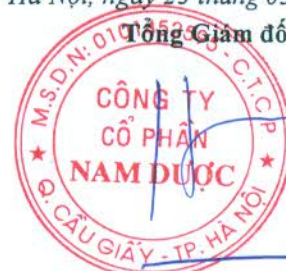
Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng



Trần Thị Anh Đức

Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Châu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	296.339.427.305	257.234.693.034
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	13.192.413.715	3.418.147.472
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		283.147.013.590	253.816.545.562
11	4. Giá vốn hàng bán	22	158.359.922.878	123.664.258.854
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		124.787.090.712	130.152.286.708
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	40.156.070.325	50.065.153.089
22	7. Chi phí tài chính	24	1.422.537.404	2.200.684.933
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.422.537.404	2.200.684.933
25	8. Chi phí bán hàng	25	96.509.586.276	104.730.199.269
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23.750.267.334	21.293.639.230
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		43.260.770.023	51.992.916.365
31	11. Thu nhập khác		3.689.074	6.617.812
32	12. Chi phí khác	27	2.852.581	172.660.309
40	13. Lợi nhuận khác		836.493	(166.042.497)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43.261.606.516	51.826.873.868
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	686.073.127	399.906.835
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>42.575.533.389</u>	<u>51.426.967.033</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Đức

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Châu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	43.261.606.516	51.826.873.868
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	2.526.432.393	918.500.655
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(40.156.070.325)	(50.065.153.089)
06	- Chi phí lãi vay	1.422.537.404	2.200.684.933
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	7.054.505.988	4.880.906.367
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	7.094.775.194	8.254.298.204
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	(4.745.186.255)	(2.474.493.728)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	42.610.843.330	12.356.363.245
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	(1.707.098.484)	255.937.314
14	- Tiền lãi vay đã trả	(1.438.071.650)	(2.205.123.290)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(700.000.000)	(68.833.889)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(4.634.128.360)	(3.826.832.200)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	43.535.639.763	17.172.222.023
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(43.444.575.206)	(48.861.156.139)
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(4.000.000.000)	(5.000.000.000)
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	40.134.426.489	50.076.993.367
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(7.310.148.717)	(3.784.162.772)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	2.840.000.000	-
33	2. Tiền thu đi vay	26.436.624.969	-
34	3. Tiền trả nợ gốc vay	(47.436.624.969)	(6.000.000.000)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(11.626.400.000)	(11.127.280.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(29.786.400.000)	(17.127.280.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	6.439.091.046	(3.739.220.749)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4.157.704.238	7.896.924.987
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 10.596.795.284	4.157.704.238

Người lập biểu



Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng



Trần Thị Anh Đức

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NAM DƯỢC
Đ. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI



Hoàng Minh Châu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Dược là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 11 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101452595 ngày 27/12/2019.

Trụ sở chính của Công ty tại số 51, đường Trương Công Giai, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 59.640.000.000 VND (Năm mươi chín tỷ, sáu trăm bốn mươi triệu đồng), tương đương 5.964.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng:

Trong năm 2019, Công ty phân phối thêm một số sản phẩm mới, đồng thời tăng giá bán và sản lượng hàng bán ra của các sản phẩm cũ. Điều này dẫn đến Doanh thu bán hàng năm nay tăng 39,1 tỷ đồng so với năm 2018. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục thực hiện chính sách bán hàng có chiết khấu (được bắt đầu thực hiện từ Quý 4 năm 2018). Theo đó, tổng chiết khấu thương mại năm 2019 tăng 6,92 tỷ đồng so với năm 2018. Ngoài ra, lợi nhuận được phân phối từ Công ty con - Công ty TNHH Nam Dược trong năm 2019 giảm 10 tỷ đồng so với năm 2018 (năm 2018 là 50 tỷ đồng). Đây là các nguyên nhân chủ yếu này dẫn đến tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2019 giảm so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

<u>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Nam Dược - Văn phòng trụ sở	Số 51, đường Trương Công Giai, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	Kinh doanh dược phẩm
Công ty Cổ phần Nam Dược - Chi nhánh Miền Trung	Số 76, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hoà Cường Nam, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Kinh doanh dược phẩm
Công ty Cổ phần Nam Dược - Chi nhánh Miền Nam	U12 đường Bạch Mã, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm

Thông tin về các công ty con của Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- *Đối với các khoản đầu tư vào công ty con*: dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.
- *Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư*: căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
- Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	03 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và không trích khấu hao.

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả, chi phí lãi vay và các khoản chi phí phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo, và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phát sinh trong năm là chi phí lãi vay. Chi phí này được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ thu nhập tính thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty con;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là mua bán thuốc, dược phẩm và chi phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	59.112.304	483.567.333
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.537.682.980	3.674.136.905
Các khoản tương đương tiền (*)	7.000.000.000	-
	<u>10.596.795.284</u>	<u>4.157.704.238</u>

(*) Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với lãi suất 5%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	40.000.000.000	-	36.000.000.000	-
- Công ty TNHH Nam Dược	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam (*)	5.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	255.000.000	-	255.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược	255.000.000	-	255.000.000	-
	40.255.000.000	-	36.255.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam được tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 03A/2019/NQ-HĐQT ngày 10/04/2019 của Hội đồng quản trị, hình thức tăng vốn bằng tiền. Theo đó, Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304182390 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/07/2008 và được thay đổi lần thứ 07 ngày 07/06/2019 với số vốn điều lệ là 5.000.000.000 VND.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2019 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Nam Dược	Nam Định	100%	100%	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh dược phẩm
Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung	Đà Nẵng	100%	100%	Kinh doanh dược phẩm

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và các công ty con trong năm: Xem Thuyết minh 34.

Đầu tư vào đơn vị khác

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đã tạm ngừng hoạt động và đóng mã số thuế từ ngày 21/09/2006 nhưng chưa hoàn tất các thủ tục giải thể.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	-	-	7.200.882.224	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.704.237.859	-	3.837.747.860	-
	<u>2.704.237.859</u>	<u>-</u>	<u>11.038.630.084</u>	<u>-</u>
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-	7.200.882.224	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)</i>				

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ông Hoàng Minh Châu và Bà Dương Thị Sáu (*)	9.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Kỹ thuật Uy Việt	500.000.000	-	400.000.000	-
Công ty TNHH Việt Hưng Khánh	-	-	221.000.000	-
Công ty Cổ phần Mecooltech	-	-	1.416.827.994	-
Công ty Cổ phần Phước Đại Nam	-	-	737.317.333	-
Các đối tượng khác	515.340.185	-	480.047.773	-
	<u>10.015.340.185</u>	<u>-</u>	<u>3.255.193.100</u>	<u>-</u>
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	<u>9.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)</i>				

(*) Trả trước cho ông Hoàng Minh Châu - Tổng Giám đốc Công ty theo Hợp đồng đặt cọc ký ngày 15/08/2019 giữa ông Hoàng Minh Châu và bà Dương Thị Sáu (bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Nam Dược do ông Lê Văn Sơn - Phó Tổng Giám đốc ký duyệt, nhằm mục đích nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ô đất số 25 và số 27 thuộc Lô đất LK-03 tại địa chỉ Khu nhà ở Chung cư phía Đông Đại lộ V.I. Lê Nin, xóm 20, xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (thuộc quyền sở hữu của ông Hoàng Minh Châu và bà Dương Thị Sáu) để làm văn phòng làm việc cho Chi nhánh Nam Dược Bắc Miền Trung.

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Dự thu lãi tiền gửi	21.643.836	-	-	-
Tạm ứng	113.506.046	-	110.199.000	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu khác	9.580.000	-	1.376.000	-
	154.729.882	-	121.575.000	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	384.674.131	-	27.692.793	-
Công cụ, dụng cụ	23.015.350	-	112.874.014	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.129.957	-	74.025.499	-
Hàng hóa	8.569.037.764	-	4.038.078.641	-
	8.997.857.202	-	4.252.670.947	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Mua sắm	-	728.181.818
- Thang máy Tòa nhà Trụ sở Văn phòng Công ty tại Hà Nội (i)	-	728.181.818
Xây dựng cơ bản	-	12.348.638.435
- Công trình Trụ sở Văn phòng Công ty tại Hà Nội (i)	-	10.453.387.660
- Công trình Trụ sở Văn phòng tại Đà Nẵng (ii)	-	1.895.250.775
	-	13.076.820.253

(i) Công trình Trụ sở Văn phòng Công ty tại Lô A2 + A4, Ô D7, Trương Công Giai, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Tổng mức đầu tư dự toán là 19.461.691.000 VND. Hạng mục chính của công trình gồm phần xây dựng; hệ thống cấp điện nặng, điện nhẹ; hệ thống cấp thoát nước được giao cho nhà thầu là Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Thực phẩm theo Hợp đồng số 2109/2017/HĐXL/ND ngày 21/09/2017. Công trình được khởi công từ ngày 25/09/2017 và đã được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng từ tháng 03/2019 (xem Thuyết minh số 10).

(ii) Công trình Trụ sở Văn phòng tại Lô 1424, khu dân cư Tây Nam Hòa Cường, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng với tổng mức đầu tư xây dựng dự toán là 4.375.324.520 VND. Các hạng mục chính của công trình gồm phần xây dựng; điện, nước thô và phần hoàn thiện được giao cho Công ty Cổ phần Phước Đại Nam theo Hợp đồng số 05/HĐXD-PDN/2018 ngày 07/10/2018. Mục đích xây dựng công trình này là làm Trụ sở Văn phòng của Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung - công ty con thành lập trong năm 2018 của Công ty. Công trình này đã hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2019 (xem Thuyết minh số 10).

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	966.402.000	5.435.812.454	413.756.614	-	6.815.971.068
- Mua trong năm	568.668.000	2.957.070.707	3.782.306.654	190.640.000	500.000.000	7.998.685.361
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (i)	20.251.964.018	-	2.367.327.737	-	-	22.619.291.755
- Tăng khác (ii)	3.003.639.000	-	-	-	-	3.003.639.000
Số dư cuối năm	23.824.271.018	3.923.472.707	11.585.446.845	604.396.614	500.000.000	40.437.587.184
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	529.454.631	3.983.305.630	374.312.113	-	4.887.072.374
- Khấu hao trong năm	759.316.804	367.375.476	991.063.356	61.188.559	138.888.890	2.317.833.085
Số dư cuối năm	759.316.804	896.830.107	4.974.368.986	435.500.672	138.888.890	7.204.905.459
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	-	436.947.369	1.452.506.824	39.444.501	-	1.928.898.694
Tại ngày cuối năm	23.064.954.214	3.026.642.600	6.611.077.859	168.895.942	361.111.110	33.232.681.725

(i) Tài sản cố định từ đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành trong năm là giá trị quyết toán công trình Trụ sở Văn phòng Công ty tại Hà Nội và công trình Trụ sở Văn phòng tại Đà Nẵng (xem Thuyết minh số 9).

(ii) Đây là giá trị công trình xây dựng tại U12 Bạch Mã, phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh với giá trị là 3.003.639.000 VND theo chứng thư thẩm định giá ngày 07/11/2019 được phân loại từ tài sản cố định vô hình (xem Thuyết minh số 11).

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 3.003.639.000 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng là 2.216.132.705 VND.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	108.442.262.087	594.852.500	109.037.114.587
- Mua trong năm (i)	17.918.110.000	124.671.670	18.042.781.670
- Giảm khác (ii)	(3.003.639.000)	-	(3.003.639.000)
Số dư cuối năm	123.356.733.087	719.524.170	124.076.257.257
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	321.181.658	321.181.658
- Khấu hao trong năm	-	208.599.308	208.599.308
Số dư cuối năm	-	529.780.966	529.780.966
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	108.442.262.087	273.670.842	108.715.932.929
Tại ngày cuối năm	123.356.733.087	189.743.204	123.546.476.291

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 92.720.294.369 VND.

(i) Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tư vấn Huy Hân theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/07/2019 ký giữa bên chuyển nhượng và Công ty Cổ phần Nam Dược do ông Hoàng Minh Châu - Tổng Giám đốc ký duyệt, được phê duyệt theo Nghị quyết số 07C/2019/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 23/06/2019. Đối tượng chuyển nhượng của hợp đồng là toàn bộ quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ đường Phan Đăng Lưu, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 746579 do Ủy ban nhân dân Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ cấp ngày 22/08/2017, xác nhận chỉnh lý ngày 12/04/2018. Tổng diện tích chuyển nhượng là 145,3 m², giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng là 17.820.000.000 VND (chưa bao gồm tất cả các loại thuế, phí). Tổng tiền thuế, phí, lệ phí liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng này là 98.110.000 VND. Quyền sử dụng đất này sẽ được sử dụng để xây dựng Trụ sở Văn phòng làm việc của Công ty Cổ phần Nam Dược - Chi nhánh Cần Thơ theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/11/2019 của Đại hội đồng cổ đông.

(ii) Đây là giá trị công trình xây dựng tại U12 Bạch Mã, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh được phân loại sang tài sản cố định hữu hình theo chứng thư thẩm định giá ngày 07/11/2019.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí quảng cáo, làm biển quảng cáo	578.353.348	5.280.008
Phí bảo hiểm xe ô tô	43.163.816	21.280.302
Phí duy trì tên miền	8.281.383	36.419.916
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	339.904.393	-
Các khoản khác	156.832.801	66.721.812
	1.126.535.741	129.702.038
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	856.586.850	159.974.036
Chi phí thiết kế website	13.985.000	13.333.328
Các khoản khác	115.568.049	102.567.754
	986.139.899	275.875.118

13 . VAY

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	-	-	26.436.624.969	26.436.624.969	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (i)	-	-	26.436.624.969	26.436.624.969	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định (ii)	6.000.000.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-	-
	6.000.000.000	6.000.000.000	26.436.624.969	32.436.624.969	-	-
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định (ii)	21.000.000.000	21.000.000.000	-	21.000.000.000	-	-
	21.000.000.000	21.000.000.000	-	21.000.000.000	-	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)	-	(6.000.000.000)	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	15.000.000.000	15.000.000.000				

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

(i) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/3107039/HĐTĐ ngày 19/07/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với hạn mức cấp tín dụng tối đa là 20 tỷ đồng. Mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng cho đến hết ngày 27/06/2020. Thời hạn cho vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể và L/C được phát hành. Khoản vay được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại U12 Bạch Mã, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận số BP 829228 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 29/07/2013.

(ii) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng số NAD.DN.145.240417 ngày 27/04/2017 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định với số tiền vay là 30.000.000.000 VND. Khoản vay được sử dụng cho việc đầu tư mua hai lô đất (Lô A4, ô D7 và Lô A2, ô D7) tại khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội để xây dựng Trụ sở Văn phòng Công ty Cổ phần Nam Dược. Thời hạn vay là 05 năm (từ ngày 28/04/2017 đến ngày 27/04/2022); nợ gốc thanh toán trong vòng 10 kỳ, mỗi kỳ 06 tháng kể từ ngày nhận được khoản giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong 06 tháng đầu là 8%/ năm, 12 tháng tiếp theo là 9%/ năm, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ có kỳ hạn 13 tháng tại thời điểm xác định lãi suất cộng thêm (+) 2,5%/ năm. Tài sản đảm bảo của khoản vay chính là hai lô đất trên với tổng giá trị tại ngày 31/12/2018 là 70.098.933.369 VND. Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty đã tắt toán khoản vay này, tuy nhiên chưa thực hiện thủ tục giải chấp tài sản bảo đảm.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Nam Dược	39.113.359.217	39.113.359.217	13.167.634.176	13.167.634.176
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Truyền thông	6.550.544.000	6.550.544.000	2.539.284.000	2.539.284.000
Công ty Cổ phần Truyền hình HiTV	3.008.000.000	3.008.000.000	-	-
Công ty TNHH Truyền thông Ruby Việt Nam	-	-	3.504.401.000	3.504.401.000
Các đối tượng khác	10.464.619.963	10.464.619.963	5.732.725.623	5.732.725.623
	59.136.523.180	59.136.523.180	24.944.044.799	24.944.044.799
b) Phải trả người bán là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)</i>	40.929.555.837	40.929.555.837	13.167.634.176	13.167.634.176

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	131.632.405	1.045.678.524	1.177.310.929	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	60.299.746	686.073.127	700.000.000	-	46.372.873
Thuế thu nhập cá nhân	-	32.774.849	3.195.585.452	3.161.006.103	-	67.354.198
Các loại thuế khác	-	-	4.757.305	4.757.305	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.500.000	4.500.000	-	-
	-	224.707.000	4.936.594.408	5.047.574.337	-	113.727.071

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung	3.891.044.503	-
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	2.043.326.936	-
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	77.327.644	198.443.000
- Các đối tượng khác	393.000	153.013
	6.012.092.083	198.596.013
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)	6.011.699.083	198.443.000

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí phụ trách chuyên môn của ông Hoàng Minh Châu	-	33.000.000
Chi phí cước viễn thông	40.128.658	33.634.369
Chi phí lãi vay	-	15.534.246
Trích trước chi phí chiết khấu thương mại	1.494.229.989	1.181.028.569
Chi phí phải trả khác	125.163.534	118.311.336
	1.659.522.181	1.381.508.520

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	174.173	174.173
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	770.000.000	735.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	638.400.000	904.800.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	229.588.066	-
	1.638.162.239	1.639.974.173

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	56.800.000.000	31.547.982.435	88.347.982.435
Lãi trong năm trước	-	51.426.967.033	51.426.967.033
Phân phối lợi nhuận	-	(15.186.832.200)	(15.186.832.200)
Số dư cuối năm trước	56.800.000.000	67.788.117.268	124.588.117.268
Tăng vốn trong năm nay (i)	2.840.000.000	-	2.840.000.000
Lãi trong năm nay	-	42.575.533.389	42.575.533.389
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	(15.994.128.360)	(15.994.128.360)
Số dư cuối năm	59.640.000.000	94.369.522.297	154.009.522.297

- (i) Tăng vốn theo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2019; Biên bản họp Hội đồng quản trị số 04/2019/BBHĐQT ngày 12/05/2019; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04G/2019/NQ-HĐQT ngày 12/05/2019 về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu ưu đãi cho cán bộ quản lý công ty và các văn bản khác có liên quan.
- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm tương ứng với số vốn điều lệ tăng thêm là 284.000 cổ phiếu;
 - Giá phát hành: 10.000 VND/cổ phiếu;
 - Hình thức phát hành: Theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
 - Đối tượng được phân phối là cán bộ quản lý bao gồm các chức danh như sau: Ban Tổng Giám đốc, Trưởng/Phó phòng các phòng ban, Giám đốc/Phó Giám đốc công ty thành viên, Trưởng/Phó trưởng phòng các công ty thành viên và Quản lý vùng;
 - Ngày phát hành hoàn thành: 05/12/2019;
 - Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Tình hình sử dụng vốn: Công ty đã sử dụng vốn đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật.
- (ii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Số tiền VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.317.064.180
Trích thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	2.317.064.180
Chi trả cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 20% trên vốn điều lệ (tương ứng mỗi cổ phần nhận 2.000 VND)	11.360.000.000

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2019 VND	Tỷ lệ %	01/01/2019 VND	Tỷ lệ %
Bà Dương Thị Sáu	14.174.500.000	23,77	14.174.500.000	24,96
Bà Dương Thị Lan	1.050.000.000	1,76	3.820.000.000	6,73
Ông Nguyễn Văn Giang	3.222.000.000	5,40	3.220.000.000	5,67
Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	7.573.200.000	12,70	-	-
Bà Dương Thị Hà	-	-	4.377.200.000	7,71
Các cổ đông khác	33.620.300.000	56,37	31.208.300.000	54,93
	59.640.000.000	100,00	56.800.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	56.800.000.000	56.800.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	2.840.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	59.640.000.000	56.800.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	904.800.000	672.080.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	11.360.000.000	11.360.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	11.360.000.000	11.360.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	11.626.400.000	11.127.280.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	11.626.400.000	11.127.280.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối năm	638.400.000	904.800.000

d) Cổ phiếu		31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		5.964.000	5.680.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		5.964.000	5.680.000
- Cổ phiếu phổ thông		5.964.000	5.680.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		5.964.000	5.680.000
- Cổ phiếu phổ thông		5.964.000	5.680.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu			
20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Doanh thu bán hàng		296.339.427.305	257.234.693.034
		296.339.427.305	257.234.693.034
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)</i>		132.100.198.449	105.151.778.748
21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Chiết khấu thương mại		9.176.889.040	2.256.555.848
Hàng bán bị trả lại		4.015.524.675	1.161.591.624
		13.192.413.715	3.418.147.472
Các khoản giảm trừ doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)</i>		4.015.524.675	1.161.591.624
22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán		158.359.922.878	123.664.258.854
		158.359.922.878	123.664.258.854
Giá vốn đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)</i>		117.845.002.398	104.292.424.519
23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay		156.070.325	65.153.089
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)		40.000.000.000	50.000.000.000
		40.156.070.325	50.065.153.089
Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)</i>		40.000.000.000	50.000.000.000
(i) Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Nam Dược - công ty con theo Quyết định số 50/2019/QĐND ngày 14/05/2019 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược về việc chuyển lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 của Công ty TNHH Nam Dược.			

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.422.537.404	2.200.684.933
	1.422.537.404	2.200.684.933

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	922.185.295	982.254.720
Chi phí nhân công	27.326.110.359	25.843.994.684
Chi phí khấu hao tài sản cố định	431.307.122	255.674.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.829.983.500	77.648.275.535
	96.509.586.276	104.730.199.269

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	940.762.232	564.345.140
Chi phí nhân công	15.064.029.241	12.947.272.185
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.095.125.271	662.826.325
Thuế, phí và lệ phí	120.407.909	53.348.318
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.860.287.542	6.443.857.634
Chi phí khác bằng tiền	669.655.139	621.989.628
	23.750.267.334	21.293.639.230

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Phạt vi phạm hành chính về thuế và phạt chậm nộp	2.852.581	137.660.309
Phạt về vi phạm quy định xử lý chất thải rắn thông thường	-	35.000.000
	2.852.581	172.660.309

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	43.261.606.516	51.826.873.868
Các khoản điều chỉnh tăng	168.759.121	172.660.309
- Chi phí khấu hao không được trừ	165.906.540	-
- Phạt vi phạm hành chính về thuế và phạt chậm nộp	2.852.581	137.660.309
- Phạt về vi phạm quy định xử lý chất thải rắn thông thường	-	35.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(40.000.000.000)	(50.000.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(40.000.000.000)	(50.000.000.000)
Thu nhập tính thuế	3.430.365.637	1.999.534.177
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	686.073.127	399.906.835
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	60.299.746	(270.773.200)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(700.000.000)	(68.833.889)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	46.372.873	60.299.746

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.862.947.527	1.546.599.860
Chi phí nhân công	42.390.139.600	38.791.266.869
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.526.432.393	918.500.655
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.690.271.042	84.092.133.169
Chi phí khác bằng tiền	790.063.048	675.337.946
	120.259.853.610	126.023.838.499

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.596.795.284	-	4.157.704.238	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.858.967.741	-	11.160.205.084	-
	13.455.763.025	-	15.317.909.322	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
	Nợ phải trả tài chính	
Vay và nợ	-	21.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	60.774.685.419	26.584.018.972
Chi phí phải trả	1.659.522.181	1.381.508.520
	62.434.207.600	48.965.527.492

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và tương đương tiền	10.596.795.284	-	-	10.596.795.284
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.858.967.741	-	-	2.858.967.741
	13.455.763.025	-	-	13.455.763.025
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và tương đương tiền	4.157.704.238	-	-	4.157.704.238
Phải thu khách hàng, phải thu khác	11.160.205.084	-	-	11.160.205.084
	15.317.909.322	-	-	15.317.909.322

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Phải trả người bán, phải trả khác	60.774.685.419	-	-	60.774.685.419
Chi phí phải trả	1.659.522.181	-	-	1.659.522.181
	62.434.207.600	-	-	62.434.207.600
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	6.000.000.000	15.000.000.000	-	21.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	26.584.018.972	-	-	26.584.018.972
Chi phí phải trả	1.381.508.520	-	-	1.381.508.520
	33.965.527.492	15.000.000.000	-	48.965.527.492

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	26.436.624.969	-

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	47.436.624.969	6.000.000.000

32 . THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/11/2019 của Đại hội, đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nam Dược, Nghị quyết số 11G/2019/NQ-HĐQT ngày 12/11/2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nam Dược về việc giải thể hoạt động của Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam và Nghị quyết số 11H/2019/NQ-HĐQT ngày 12/11/2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nam Dược về việc giải thể hoạt động của Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung, các công ty con đã thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện đóng mã số thuế và giải thể doanh nghiệp. Thời điểm giải thể sau khi kết thúc năm tài chính 2019. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các thủ tục pháp lý về cơ bản đã được hoàn tất và đang chờ quyết định giải thể cuối cùng của cơ quan chức năng.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Nam Dược	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung	Công ty con
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	Cổ đông lớn (i)
- Ông Hoàng Minh Châu và Bà Dương Thị Sáu	Cổ đông lớn của Công ty/ Vợ Tổng Giám Đốc
- Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Con của bà Dương Thị Lan - Thành viên HĐQT
- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Người quản lý chủ chốt

(i) Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân do Bà Dương Thị Sáu làm Giám đốc. Bà Dương Thị Sáu là cổ đông lớn và là vợ của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược.

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng	132.100.198.449	105.151.778.748
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	89.911.662.856	100.066.643.961
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung	36.098.726.638	-
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	2.074.284.280	3.923.543.163
Hàng bán bị trả lại	4.015.524.675	1.161.591.624
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	1.513.794.782	1.161.591.624
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung	2.501.729.893	-
Giá vốn đối với bên liên quan	117.845.002.398	104.292.424.519
- Công ty TNHH Nam Dược	117.845.002.398	104.292.424.519
Mua hàng hóa	122.349.038.428	98.905.052.337
- Công ty TNHH Nam Dược	122.349.038.428	98.905.052.337
Thanh toán/ trả trước tiền mua tài sản	9.000.000.000	25.000.000.000
- Bà Phạm Thị Hồng Nhung	-	25.000.000.000
- Ông Hoàng Minh Châu và Bà Dương Thị Sáu	9.000.000.000	-
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	25.000.000.000
- Bà Phạm Thị Hồng Nhung	-	25.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận nhận được	40.000.000.000	50.000.000.000
- Công ty TNHH Nam Dược	40.000.000.000	50.000.000.000
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	7.200.882.224
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	-	7.200.882.224
Trả trước cho người bán	9.000.000.000	-
- Ông Hoàng Minh Châu và Bà Dương Thị Sáu	9.000.000.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn	40.929.555.837	13.167.634.176
- Công ty TNHH Nam Dược	39.113.359.217	13.167.634.176
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	1.091.873.368	-
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung	724.323.252	-
Người mua trả tiền trước	6.011.699.083	198.443.000
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	2.043.326.936	-
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung	3.891.044.503	-
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	77.327.644	198.443.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Thu nhập của Tổng Giám đốc	1.924.731.937	1.624.574.570
- Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị	4.444.941.462	3.438.084.361

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Đức

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Châu

